

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Hân
2. Ông Nguyễn Văn Môn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang: Ông Đặng Đức Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2020/QĐST – HNGĐ ngày 28/12/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố Th, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

+ **Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là phường X), thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trước khi cưới hai bên có tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh D và vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không đồng nhất về tư tưởng sống, quan điểm sống, trong cuộc sống không có sự bàn bạc về công việc và bản thân chị cũng đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng không được. Đến năm 2005 chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống ở thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nên cuối năm 2007 chị quay trở về chung sống với anh D tại tổ dân phố Th, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn vì không tìm được tiếng nói chung nên chị tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu năm 2008 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ ngày đó đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/7/2001, Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/10/2002, Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/2008. Cháu Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị H đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu H ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân, khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Về con chung chị xin nhận nuôi cháu Hảo và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Tại biên bản xác minh ngày 02/11/2020 đại diện chính quyền địa phương tổ dân phố Th, phường X, thành phố B cung cấp: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D là công dân sinh sống tại địa phương. Quá trình vợ chồng chị H, anh D sinh sống tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay anh D chị H không còn chung sống với nhau nữa, chị H đã về quê ở xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống từ khoảng năm 2008 đến nay.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo hòa giải và các văn bản giấy tờ khác cho anh D theo quy định pháp luật nhưng anh D không đến Tòa án để cung cấp quan điểm và hòa giải.

- Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D vắng mặt không có lý do.

- Ngày 28/12/2020 Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh Nguyễn Văn D vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng tiếp tục vắng mặt không có lý do.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và xử cho chị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là phường X), thành phố B, tỉnh Bắc Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Hôn nhân giữa chị H và anh D là tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không đồng nhất về tư tưởng sống, quan điểm sống. Năm 2005 chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống tại thôn L, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đến cuối năm 2007 chị lại quay trở về chung sống cùng anh D tại tổ dân phố Th, phường X, thành phố B để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn vì không tìm được tiếng nói chung nên chị lại tiếp tục bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2008 đến nay, vợ chồng sống ly thân từ ngày đó đến nay. Tòa án đã mở phiên hòa giải nhưng anh D không có mặt để tham gia hòa giải và không có mặt để tham gia các phiên tòa xét xử. Như vậy xác định anh D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị D, sinh ngày 07/7/2001, Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/10/2002, Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/2008. Cháu Nguyễn Thị D và Nguyễn Thị H đã trưởng thành, không

đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu H ở với chị từ khi vợ chồng sống ly thân. Do đó, để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt của cháu được ổn định cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu H cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của người con nên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con phải có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2.2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/12/2008 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con. Không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001570 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

2.4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Nguyễn Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang,
- CCTHADS TP. Bắc Giang,
- Các đương sự,
- UBND phường Xương Giang;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đinh Thị Thu Hà

